

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2026/HS-PT**

Ngày: 27 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh

Các Thẩm phán: Ông Lý Thơ Hiền, bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2026/TLPT-HS ngày 02/6/2026 đối với bị cáo Tô Đình N do có kháng cáo của bị cáo Tô Đình N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 08/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Tô Đình N, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1960, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk; Căn cước công dân số: 05406000xxxx cấp ngày 28/6/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tô Đình P (đã chết) và bà Phạm Thị S (đã chết); có vợ là Huỳnh Thị V, sinh năm 1962 và có 8 con lớn nhất sinh năm 1978 nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa ngày 20/7/2026; vắng mặt ngày 27/7/2026

*** Người bào chữa cho bị cáo Tô Đình N:** Luật sư Phạm Xuân T-Văn phòng Luật sư T chi nhánh C, có mặt ngày 20/7/2026; vắng mặt ngày 27/7/2026

*** Bị hại:** Vợ chồng ông Trần Văn C sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị C1 sinh năm 1978; đều vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk

**** Người làm chứng:***

1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt..

3. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Bà Tô Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk, có mặt ngày 20/7/2026; vắng mặt ngày 27/7/2026

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2023, Tô Đình N thấy có một người đàn ông đi mua cây dạo (chưa xác định được danh tính) nên N hỏi bán cây bạch đàn và trực tiếp dẫn người này đến khu vực xóm G thuộc tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, N lợi dụng không có người trông coi rẫy nên nói với người mua cây là bạch đàn do N trồng và thỏa thuận bán hết số cây trên khu vực gồm diện tích 2455m² thửa đất rừng sản xuất số 13, tờ bản đồ số 2 Bản đồ Lâm nghiệp của UBND xã X theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD246xxx ngày 01/7/2016 của UBND thị xã S cấp cho vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1. Người đàn ông mua cây trả trước cho N số tiền 3.000.000 đồng, sau đó thuê người cưa, vận chuyển 110 cây bạch đàn trên phần diện tích đất của vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1. Đến ngày hôm sau, người mua cây tiếp tục đến cưa số cây bạch bên phần diện tích của ông Võ Văn Đ và Huỳnh Thị H thì bị ông Đ phát hiện ngăn chặn. Do đó, người mua cây dẫn ông Đ đến nhà Tô Đình N để làm rõ, sau đó người mua cây chỉ mua 110 cây bạch đàn đã cưa với số tiền 2.000.000 đồng và yêu cầu N trả lại số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 10/10/2023, ông Trần Văn C đến thăm đất rẫy của mình thì phát hiện 110 cây bạch đàn đã bị cưa mất và tố giác sự việc đến cơ quan công an.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 08/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S kết luận: Tại thời điểm tháng 10/2023, 110 cây bạch đàn có tổng giá trị là 3.960.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 08/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, h, x khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Tô Đình N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Tô Đình N 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tô Đình N bồi thường cho bị hại vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 số tiền 3.960.000 đồng (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2026 bị cáo Tô Đình N kháng cáo toàn bộ bản án, kêu oan cho rằng bản án sơ thẩm kết tội về hành vi *Trộm cắp tài sản* là không đúng bản chất sự việc có dấu hiệu oan sai. Diện tích đất tranh chấp thuộc các thửa 304 tờ bản đồ số 36 diện tích 165m² thửa 307 tờ bản đồ số 36 diện tích 589,9m² là do bị cáo khai hoang từ năm 1980 và sử dụng ổn định không có tranh chấp và đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 08/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk và sau đó bị cáo Tô Đình N kháng cáo bổ sung rút lại nội dung khiếu kiện các thửa 304 tờ bản đồ số 36 diện tích 165m² cấp cho ông Trần Văn C và thửa 307 tờ bản đồ số 36 diện tích 589,9m² cấp cho ông Nguyễn Văn S và cung cấp địa chỉ, tên của người dọn rẫy vào năm 1980, người mua cây giống, năm khai thác đầu tiên vào năm 2014 bán cho ông Đ và năm khai thác thứ 2 vào năm 2023 bán cho ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi bị cáo đã bán cây bạch đàn đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên và cho rằng bạch đàn bị cáo bán là trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận, bị cáo đã nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi nhưng chưa được cấp đổi.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phát sinh tình tiết mới bị cáo cho rằng bạch đàn bị cáo bán là trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận, bị cáo đã nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi nhưng chưa được cấp đổi nhưng chưa được điều tra làm rõ, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa cho rằng cấp sơ thẩm chưa giám định tuổi cây, đây là chứng cứ quan trọng để xác định lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng là có căn cứ cây này do ai trồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy Bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, không bổ sung gì thêm về bào chữa của luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét vì cây bạch đàn do bị cáo trồng và chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo Tô Đình N xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu pho to gồm: Thông báo về đăng ký quyền sử dụng đất của UBND xã X, 02 giấy biên nhận của công ty TNHH Hải H về việc nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi và bị cáo cho rằng bạch đàn bị cáo bán là trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận, bị cáo đã nộp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp đổi nhưng hiện nay có hai giấy chứng nhận chưa được cấp đổi. Xét thấy đây là những tình tiết mới phát sinh, cấp phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để bổ sung nhưng không bổ sung được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

[2] Xét quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là phù hợp với điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tô Đình N.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 08/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk để điều tra lại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Về án phí: bị cáo Tô Đình N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Lắk
- TAND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh

